TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS- ST
Ngày: 17/7/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ TỈNH LAI CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Văn Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lý Thị The; Bà Pờ Hồng Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên toà:*

Ông Lương Gia Khánh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST- DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 28/4/2023 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 18/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H- sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Ông Vũ Viết Khiêm, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt. Có giấy ủy quyền cho bà Đỗ Thị H tham gia tố tụng ngày 15/8/2022.

Bị đơn: Ông Lê Xuân B- sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Hà Thị Thanh, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Ông Trần Ngọc Hiển, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05/12/2022, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Gia đình bà có cho ông Lê Xuân B vay số tiền 80.000.000 đồng; Trong đó đợt 1 ngày 27/4/2013 cho vay 30.000.000 đồng và đợt 2 ngày 01/5/2013 cho vay 50.000.000 đồng. Thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày vay 27/4/2013 với lãi suất tự thỏa thuận 2.000 đồng/1 triệu/ ngày. Nhưng từ đó đến nay ông Lê Xuân B chưa trả nợ gốc và lãi cho bà, bà đã nhiều lần đến nhà, gọi điện thoại để đòi tiền nhưng ông B vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Xuân B phải trả nợ cho bà tổng số tiền 201.000.000 đồng trong đó 80.000.000 đồng tiền vay. Buộc ông B phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ tháng 4/2013 tới nay, theo lãi suất quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định, số tiền là 121.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai 06/12/2022 ông Lê Xuân B trình bày:

Năm 2013 ông có vay của gia đình bà Đỗ Thị H số tiền 80.000.000 đồng. Vay làm 02 đợt, đợt 1 vay 50.000.000 đồng và đợt 2 vay 30.000.000 đồng, việc nay nợ không thỏa thuận về lãi suất. Hiện ông B đã trả nợ cho gia đình bà H đủ số tiền 80.000.000 đồng (trả làm 03 đợt, đợt 1: 40.000.000 đồng và 02 lần sau mỗi lần trả 20.000.000 đồng, việc trả nợ hai bên không làm giấy tờ, chỉ có bà Hà Thị Thanh (vợ ông B đi cùng chứng kiến).

Tại biên bản đối chất ngày 20/02/2023 giữa ông Vũ Viết Khiêm (chồng bà Đỗ Thị H) và ông Lê Xuân B.

Ông Lê Xuân B có thừa nhận vay số tiền 80.000.000 đồng của gia đình bà H nhưng đã trả nợ làm 03 lần: Lần 1 và lần 2 mỗi lần trả số tiền 20.000.000 đồng, thời gian trả trước năm 2019. Lần thứ 3 trả 40.000.000 đồng sau khi bán ô tô cho ông Khiêm. Thời gia trả không nhớ, các lần trả nợ hai bên đều không làm biên bản giao nhận. Nay ông Lê Xuân B xin được trả nợ số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc (trả lần 2) và xin không trả số tiền lãi là 121.000.000 đồng.

Ông Vũ Viết Khiêm trình bày, số tiền 80.000.000 đồng là tiền chung của gia đình ông, việc vợ ông cho ông B vay ông có biết nhưng ông không trực tiếp đưa tiền cho ông B vay. Nay ông nhất trí với đơn khởi kiện của vợ ông là yêu cầu ông Lê Xuân B trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi 121.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/02/2023 nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí với các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và không bổ sung gì, bị đơn nhất trí với giấy vay tiền là do ông tự đánh máy còn thời hạn và lãi suất do bà H tự viết vào. Tại phiên hòa

giải ngày 20/02/2023 nguyên đơn vẫn yêu cầu ông Lê Xuân B trả nợ số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam-Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu với số tiền lãi là 121.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 201.000.000 đồng (hai trăm linh một triệu đồng chẵn).

Tại phiên hòa giải ngày 20/02/2023 bị đơn có thừa nhận vay số tiền 80.000.000 đồng và đã trả nợ. Hiện không đồng ý trả số tiền cả gốc và lãi là 201.000.000 đồng nhưng nhất trí trả lãi suất theo ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 122; Điều 124; Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Buộc bị đơn ông Lê Xuân B thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho nguyên đơn bà Đỗ Thị H, phương thức thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn Lê Xuân B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Xuân B trả số tiền vay và lãi, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 7, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Hội đồng xét xử thấy. Ngày 27/4/2013 và ngày 01/5/2013 ông Lê Xuân B có làm giấy vay tiền của bà Đỗ Thị H với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, lãi

suất 2.000 đồng/triệu/ngày. Thời hạn vay 08 tháng, nhưng khi đến hạn, bà Đỗ Thị H đòi nhiều lần nhưng ông Lê Xuân B không trả.

[3]. Tại giấy vay tiền ngày 27/4/2013 và giấy vay tiền ngày 01/5/2013 giữa bà Đỗ Thị H và ông Lê Xuân B là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Thời điểm ký kết và thực hiện hợp đồng từ năm 2013, khi đó Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực, nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4]. Tại buổi hòa giải ngày 20/02/2023 bị đơn không có yêu cầu phản tố. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 18/5/2023 do vắng Hội thẩm nhân dân, phiên tòa ngày 18/6/2023 do vắng mặt người làm chứng anh Trần Ngọc Hiển, nên HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Ngọc Hiển không có mặt tại phiên tòa.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy vay tiền ngày 27/4/2013 và ngày 01/5/2013, thời hạn trả nợ 08 tháng. Sau đó hàng năm liên tiếp bà H vẫn đi đòi nhưng ông Lê Xuân B không trả, tại phiên tòa ông Lê Xuân B cũng công nhận bà H có gọi điện và đến nhà đòi nhiều lần. Sau đó đến ngày 06/9/2022 bà Đỗ Thị H gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy thời hiện khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với yêu cầu về nợ gốc và lãi suất là liên tục, không có sự ngắt quãng, tính từ ngày vay tiền lần 2, ngày 01/5/2013.

[6]. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị H vẫn yêu cầu ông Lê Xuân B trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và lãi suất tính từ tháng 5 năm 2013 đến ngày xét xử tính theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Lai Châu, thời điểm hiện tại là 9,0%/năm, phát sinh từ ngày 01/5/2013, phương thức thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn nhất trí với cách tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng chỉ nhất trí trả số tiền 80.000.000 đồng. Theo lời khai của bị đơn, ông Lê Xuân B cho rằng ông đã trả số tiền gốc 80.000.000 đồng, vì theo giấy vay tiền phần ghi thời gian vay và lãi suất để trống, nên không có lãi suất. Đối với lời khai của bị đơn và lời khai của người làm chứng bà Hà Thị Thanh là không có căn cứ, bởi vì bị đơn ông Lê Xuân B vay tiền với tư cách chủ doanh nghiệp (B Toàn) thì việc trả tiền phải có hóa đơn chứng từ. Nên lời khai của ông Lê Xuân B và bà Hà Thị Thanh là đã được trả số tiền vay cho bà Đỗ Thị H là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7]. Về lãi suất, tại phiên Tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam= 9,0%/năm, tương đương với 0,75%/tháng x 123 tháng (từ tháng 5 năm 2013 đến tháng

7/2023)=73.800.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy mức đề nghị lãi suất của nguyên đơn là phù hợp với Công văn số 551/LCH-TTGS, ngày 04/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Lai Châu và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 11/01/2019, nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán với tổng số tiền là 153.800.000 đồng (gốc là 80.000.000 đồng, lãi 73.800.000 đồng).

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Lê Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị H số tiền là 5.025.000 đồng.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 122; Điều 124; Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

2. Buộc bị đơn ông Lê Xuân B phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 80.000.000đ và tiền lãi 73.800.000 đồng cho nguyên đơn bà Đỗ Thị H với tổng số tiền là 153.800.000 đồng *(một trăm năm ba triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).* Phương thức thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn ông Lê Xuân B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.690.000 đồng *(bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).*

Nguyên đơn bà Đỗ Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu số tiền là 5.025.000 đồng *(năm triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn).* Theo biên lai thu số: AA/2021/0000658 ngày 27/10/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Bình